

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 08-3-2018

V/v Tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Vinh— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: (không có).

Ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 798/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Cẩm V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thị trấn C, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Cao Thị Cẩm V có mặt; anh Lê Thanh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 26/10/2017 nguyên đơn là chị Cao Thị Cẩm V trình bày:

Do quen biết nên chị V và anh Lê Thanh T kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Quan hệ hôn nhân hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Về con chung: có 02 đứa tên là Lê Cao Gia H, sinh ngày 06/7/2002 và Lê Cao Gia T, sinh ngày 06/7/2002 hiện đang ở cùng với chị V.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị V và anh T không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Nay chị V yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung: Chị V yêu cầu được nuôi 02 con chung là Lê Cao Gia H, sinh ngày 06/7/2002 và Lê Cao Gia T, sinh ngày 06/7/2002.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Thanh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Thanh T vắng mặt. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn

không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có cung cấp Đơn yêu cầu xác nhận về mâu thuẫn của vợ chồng và Đơn xin xác nhận, có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 19/12/2017 và ngày 20/12/2017. Đồng thời Tòa án có lập biên bản về việc đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ngày 22/01/2018. Xét thấy, việc nguyên đơn cung cấp chứng cứ và không yêu cầu Tòa án xác minh là quyền của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tranh tụng và nghị án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các lời trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về nuôi con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Lê Cao Gia H, sinh ngày 06/7/2002 và Lê Cao Gia T, sinh ngày 06/7/2002, hiện đang sinh sống cùng với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Gia H và cháu Gia T. Cho nên, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 của Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Cẩm V và anh Lê Thanh T.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Cao Gia H, sinh ngày 06/7/2002 và Lê Cao Gia T, sinh ngày 06/7/2002 cho chị Cao Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị V không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Cao Thị Cẩm V khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Chị Cao Thị Cẩm V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo

biên lai thu số 07732 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Cao Thị Cẩm V có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Anh Lê Thanh T không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

